

Bản án số: 428/2024/DS-PT

Ngày: 09-08-2024

“*Tranh chấp dân sự về ranh giới QSDĐ*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;
Các Thẩm phán: Ông Lê Khắc Thịnh;
Ông Phạm Minh Tùng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 09 tháng 08 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2023/TLPT-DS, ngày 05 tháng 6 năm 2024, về việc “*Tranh chấp dân sự - ranh giới quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2024/DS-ST ngày 17 tháng 04 năm 2024 của Tòa án nhân dân TP. S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 451/2024/QĐ-PT, ngày 05 tháng 07 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 480/2024/QĐ-PT, ngày 23/7/2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Kim N, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Số nhà 149/9, đường N, khóm H, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hứa Văn Đ, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số nhà 135, ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Tô Thị P, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số nhà 230, đường T, Khóm 1, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết T sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 647, tổ 1, ấp H, xã H, Thành Phố C, Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số nhà 230 đường T, Khóm 1, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết T sinh năm 1982; Địa chỉ: 647, tổ 1, ấp H, xã H, Thành Phố C, Đồng Tháp.

2. Ủy ban nhân dân thành phố S.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban: Ông Bùi Thanh S. Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S.

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Kim N là nguyên đơn và bà Tô Thị P là bị đơn, ông Nguyễn Thanh T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn - bà Trần Kim N; quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, ông Hứa Văn Đ là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Phần đất tranh chấp thuộc một phần diện tích thửa đất số 61, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp do bà Trần Kim N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguồn gốc thửa đất số 61, tờ bản đồ số 14, bà N nhận chuyển nhượng của bà Tô Kiều L vào ngày 04/4/2013. Đến ngày 04/5/2013, Ủy ban nhân dân thị xã S (nay là Thành phố) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất số 61, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.550m² (đất ở đô thị: 1.000m² và đất trồng cây lâu năm: 550m²) cho bà Trần Kim N đứng tên. Tại thời điểm cấp giấy không có đo đạc.

Quá trình quản lý, sử dụng: Nhà nước thu hồi 2,2m² thuộc một phần diện tích đất trồng cây lâu năm của thửa đất số 61 (theo quyết định số 182/QĐ.UBND-HC ngày 12/4/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố S) để thực hiện xây dựng công trình đường mới song song đường Nguyễn Sinh Sắc (đường V) nên diện tích còn lại của thửa đất 61 là 1.547,8m².

Giáp ranh với thửa đất số 61 của bà N là thửa đất số 60 của bà P. Quá trình sử dụng, bà P đã lấn sang đất của bà N, làm sân bê tông và rào lưới B40.

Diện tích lấn chiếm được thể hiện trên sơ đồ đo đạc ngày 03/4/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S, cụ thể:

- Vùng tranh chấp thể hiện tại hình H1 nối các mốc M9 - M10 - M11 - M12 - M13 - M14 - M9, diện tích 2,3m²; bà P đang quản lý, sử dụng.

- Phần đất còn lại, bà N không tranh chấp thể hiện tại hình H6 nối các mốc M18 - M19 - M20 - M21 - M22 - M23 - M14 - M15 - M17 - M18, diện tích 1.525,1m² (thiếu 22,7m² so với diện tích của thửa đất số 61 là 1.547,8m²); bà N đang quản lý, sử dụng.

Tại phiên tòa, ông Đ xác định:

1. Bà N yêu cầu bà P trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 2,3m² thể hiện tại hình H1; yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của bà N tại thửa đất số 61 với đất của bà P tại thửa đất số 60 là đường nối các mốc M14 - M9 - M10 đến M11.

2. Trên phần đất tranh chấp có tài sản là sân bê tông, hàng rào lưới B40 của bà P xây dựng. Bà N yêu cầu bà P tháo dỡ hàng rào lưới B40; đối với phần sân bê tông bà N yêu cầu giữ nguyên hiện trạng và đồng ý trả giá trị cho bà P theo giá Hội đồng định giá đã định giá.

3. Đối với ranh đất giữa thửa đất số 61 của bà N với thửa đất số 79 của ông Võ Trần Bảo K, bà N không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong vụ án này, bà N không tranh chấp và cũng không có yêu cầu gì đối với bà Tô Kiều L - là chủ đất cũ của thửa đất số 61.

Ngoài ra, bà N không có yêu cầu gì khác.

* *Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn - bà Tô Thị P trình bày:*

Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.795,1m² (mục đích sử dụng: Đất trồng lúa), tọa lạc tại Phường 2, thành phố S do bà Tô Thị P nhận thừa kế của bà Lê Thị C và được Ủy ban nhân dân thị xã S (nay là Thành phố) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Tô Thị P ngày 22/5/2008. Tại thời điểm cấp giấy có tiến hành đo đạc và bà Tô Kiều L (là chủ đất cũ chuyển nhượng cho bà N) có chứng kiến và ký giáp ranh.

Quá trình quản lý, sử dụng: Ngày 17/7/2008, bà P thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất toàn bộ diện tích 1.795,1m² tại thửa đất số 60, sang đất trồng cây lâu năm. Đến ngày 22/8/2008, bà P tách thửa đất số 77, diện tích 795,1m² từ thửa đất số 60, chuyển mục đích sử dụng sang đất ở tại đô thị nên diện tích còn lại của thửa đất số 60 là 1.000m². Tại thời điểm tách thửa, không có đo đạc lại diện tích.

Sau đó, Nhà nước thu hồi 1.027,9m² đất của bà P; trong đó: 504,4m² đất ở đô thị thuộc thửa đất số 77 và 523,5m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 60 (theo quyết định số 163/QĐ.UBND-HC ngày 12/4/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố S) để thực hiện xây dựng công trình đường mới song song đường N (đường V). Hiện tại, diện tích còn lại của thửa đất số 60 là 476,5m² (đang tranh chấp ranh đất với bà N) và chưa làm được thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do đang tranh chấp.

Qua đo đạc thực tế, bà P thống nhất theo sơ đồ đo đạc ngày 03/4/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S, cụ thể:

- Vùng tranh chấp thể hiện tại hình H1 nối các mốc M9 - M10 - M11 - M12 - M13 - M14 - M9, diện tích 2,3m², bà P đang quản lý, sử dụng.

- Phần đất ngoài vùng tranh, bà P đang quản lý, sử dụng thể hiện tại hình H2 nối các M1 - M2 - M3 - M1, diện tích 47,8m² và hình H3 nối các mốc M4 - M5 - M6 - M7 - M8 - M9 - M14 - M23 - M20 - M19 - M4, diện tích 488,4m²; tổng diện tích H2 và H3 là 536,2m² (thừa 59,7m² so với diện tích của thửa đất số 60 là 476,5m²).

Tại phiên tòa, bà P xác định:

1. Bà không đồng ý trả lại phần đất tranh chấp diện tích 2,3m² cho bà N vì bà không có lần chiếm ranh đất và phần đất tranh chấp hiện do bà đang quản lý, sử dụng. Do đó, bà yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của bà tại thửa đất số 60 với đất của bà N tại thửa đất số 61 là đường nối các mốc M9 - M14 - M13 đến M12.

2. Trên phần đất tranh chấp có tài sản là sân bê tông, hàng rào lưới B40 của bà P xây dựng nên bà yêu cầu giữ nguyên hiện trạng, không đồng ý giao cho bà N quản lý, sử dụng và cũng không đồng ý nhận giá trị tài sản do bà N hoàn trả.

3. Đối với ranh đất giữa thửa đất số 60 của bà P với thửa đất số 79 của ông Võ Trần Bảo K, bà P không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà P không còn yêu cầu gì khác.

** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Thanh T1 trình bày:*

Ông T1 là chồng của bà Tô Thị P. Trong vụ án này, ông thông nhất toàn bộ lời trình bày, ý kiến của bà P.

Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

** Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân thành phố S có văn bản ý kiến:*

Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Kim N tại thửa đất số 61 và bà Tô Thị P tại thửa đất số 60, cùng tờ bản đồ số 14 là đúng theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy.

Ngoài ra, Ủy ban không có ý kiến gì khác.

** Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:*

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim N về việc yêu cầu bà Tô Thị P trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 2,3m².

Buộc bà Tô Thị P giao trả lại cho bà Trần Kim N quản lý, sử dụng phần đất diện tích 2,3m² thể hiện tại hình H1 nối các mốc M9 - M10 - M11 - M12 - M13 - M14 - M9, theo sơ đồ đạc ngày 03/4/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S.

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của bà Trần Kim N tại thửa đất số 61 với thửa đất số 60 của bà Tô Thị P, cùng tờ bản đồ số 14 là đường nối từ mốc M14 đến mốc M9, theo sơ đồ đạc ngày 03/4/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S; làm ranh giới quyền sử dụng đất giữa hai bên.

(Có sơ đồ đo đạc ngày 03/4/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án kèm theo).

- Bà Trần Kim N có nghĩa vụ hoàn trả giá trị tài sản trên phần đất tranh chấp cho bà Tô Thị P tổng số tiền 2.548.000đ (bằng chữ: Hai triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, về án phí, chi phí tố tụng và tuyên về quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có yêu cầu kháng cáo.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Nguyên đơn là bà Trần Kim N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữa nguyên nội dung kháng cáo.

- Bị đơn là bà Tô Thị P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh T1 giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là bà N, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là bà P, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông T1. Giữ nguyên nội dung quyết định bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp dân sự về ranh giới quyền sử dụng đất phù hợp với quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý với quyết định bản án sơ thẩm nên có kháng cáo, Tòa án tỉnh thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm, phù hợp với quy định tại Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Xét yêu cầu kháng cáo của bà N, bà P, ông T1; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

- Về nguồn gốc đất:

+ Thửa số 61, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.550m², là do bà N nhận chuyển nhượng của bà Tô Kiều L và được Ủy ban nhân dân thị xã S (nay là Thành phố) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/5/2013, tại thời điểm nhận chuyển nhượng và được cấp giấy không có tiến hành đo đạc. Quá trình quản lý, sử dụng: Nhà nước thu hồi 2,2m² nên diện tích còn lại của thửa đất 61 là 1.547,8m².

+ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.795,1m², là do bà Tô Thị P nhận thừa kế của bà Lê Thị C và được Ủy ban nhân dân thị xã S (nay là Thành phố S) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/5/2008. Tại thời điểm cấp giấy có tiến hành đo đạc và bà Tô Kiều L có chứng kiến và ký giáp ranh. Quá trình quản lý, sử dụng, đến ngày 22/8/2008, bà P tách thửa đất số 77, diện tích 795,1m² từ thửa đất số 60, chuyển mục đích sử dụng sang đất ở tại đô thị nên diện tích còn lại của thửa đất số 60 là 1.000m², tại thời điểm làm thủ tục tách thửa, không có tiến hành đo đạc lại diện tích. Sau đó, Nhà nước thu hồi diện tích 504,4m² thuộc thửa đất số 77 và 523,5m² thuộc thửa đất số 60 nên diện tích còn lại của thửa đất số 60 là 476,5m².

- Về quá trình sử dụng và hiện trạng đất tranh chấp:

Qua xem xét thẩm định tại chỗ thì xác định được phần đất tranh được thể hiện tại hình H1 có diện tích 2,3m²; hiện do bà P đang quản lý, sử dụng.

Theo đó, phần đất còn lại của thửa 61, bà N đang quản lý, sử dụng, không tranh chấp được thể hiện tại hình H6 theo đo đạc thực tế có diện tích 1.525,1m²; so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thửa 61 của bà N là thiếu 22,7m².

Còn phần đất ngoài vùng tranh chấp; bà P đang quản lý, sử dụng thể hiện tại hình H2 diện tích 47,8m² và hình H3 diện tích 488,4m²; tổng diện tích H2 và H3 là 536,2m²; so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thửa 60 của bà P là thửa 59,7m².

Căn cứ vào Công văn số 125/UBND-NC ngày 05/9/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố S xác định: phần đất tranh chấp có diện tích 2,3m² thuộc thửa 61, tờ bản đồ số 14 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Kim N.

Vì vậy, đã có đủ cơ sở để xác định việc bà N yêu cầu bà P giao trả lại diện tích tranh chấp tại H1 có diện tích 2,3m² là có căn cứ. Nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà P và ông T1.

Còn đối với kháng cáo của bà N, Hội đồng xét xử xét thấy, tại thời điểm bà P xây dựng hàng rào lưới B40 và phần sân bê tông, bà N không tranh chấp. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết giữ nguyên hiện trạng để bà N được sử dụng phần sân bê tông và hàng rào lưới B40 trên phần đất tranh chấp và buộc bà N phải có nghĩa vụ trả lại giá trị tài sản cho bà P, ông T1, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà P, ông T1, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên bà N, bà P và ông T1 phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, do bà N là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nên miễn án phí cho bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm Sát trình bày và đề nghị: Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà P, ông T1. Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn phù hợp.

Các nội dung còn lại của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 điều 26, khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 148, Điều 157, điều 165 và khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 175 và 176 của Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 48 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Kim N và bà Tô Thị P và ông Nguyễn Thanh T1.

2. Giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 17/4/2024 của Tòa án nhân dân TP. S;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim N về việc yêu cầu bà Tô Thị P trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 2,3m².

Buộc bà Tô Thị P giao trả lại cho bà Trần Kim N quản lý, sử dụng phần đất diện tích 2,3m² thể hiện tại hình H1 nối các mốc M9 - M10 - M11 - M12 - M13 - M14 - M9, theo sơ đồ đạc ngày 03/4/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S.

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của bà Trần Kim N tại thửa đất số 61 với thửa đất số 60 của bà Tô Thị P, cùng tờ bản đồ số 14 là đường nối từ mốc M14 đến mốc M9, theo sơ đồ đạc ngày 03/4/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S; làm ranh giới quyền sử dụng đất giữa hai bên.

(Có sơ đồ đo đạc ngày 03/4/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án kèm theo).

Trên cơ sở xác định ranh giới quyền sử dụng đất nêu trên, các đương sự có quyền và nghĩa vụ sử dụng đúng ranh giới quyền sử dụng đất đã được xác định theo chiều thẳng đứng không gian và lòng đất theo quy định pháp luật và không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cấp đổi, đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Bà Trần Kim N có nghĩa vụ hoàn trả giá trị tài sản trên phần đất tranh chấp cho bà Tô Thị P với tổng số tiền 2.548.000đồng (bằng chữ: Hai triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Bà Trần Kim N được quyền quản lý, sử dụng phần hàng rào lưới B40 và phần sân bê tông có trên diện tích đất tranh chấp.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Tô Thị P chịu 1.380.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Kim N được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá:

Bà Tô Thị P có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Trần Kim N chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng số tiền 8.680.000đồng.

3. Về án phí phúc thẩm:

- Bà Trần Kim N không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm (do thuộc trường hợp được miễn).

- Bà P, ông T1 mỗi người phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004162 và biên lai số 0004161 ngày 06/5/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND TP. S;
- Chi cục THADS TP. S;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Võ Trinh

